TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 355/2025/HC-PT
Ngày 25 tháng 9 năm 2025
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Cường

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Gia V - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 466/2025/TLPT-HC ngày 12 tháng 6 năm 2025 về: *"*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 169/2024/HC-ST ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1307/2025/QĐXX-PT ngày 03 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Tony Ngoc N (Nguyễn Văn N1), sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: B W. C2. Anaheim Ca. 92804, Hoa Kỳ; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trương Ngô Hồng T, sinh năm 1986 và ông Thân Hồng L, sinh năm 1989; cùng địa chỉ: Số D N, Phường I, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí

Minh); theo Văn bản ủy quyền ngày 26/02/2020; ông T có mặt, ông L vắng mặt.

- *Người bị kiện*: Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mạch Văn L1, chức vụ: Trưởng phòng Phòng Kinh tế; có đơn xin vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố H); có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Khắc B, chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đ; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1927; địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1947; địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn M1, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959; cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1957; địa chỉ cư trú: H E. Lawrence Ville G. 30044, Hoa Kỳ; vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

7. Bà Nguyễn Thị M2, sinh năm 1966;

8. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ cư trú: 801 S.Birmingham AL. 35209, Hoa Kỳ; cùng vắng mặt.

9. Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: A Jutland Dr. Marrero L, Hoa Kỳ; vắng mặt.

10. Ông Nguyễn Thanh C1, sinh năm 1972 và bà Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1974; cùng địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Tony Ngoc N (Nguyễn Văn N1) là Người khởi kiện trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cụ Nguyễn Văn T2 và cụ Nguyễn Thị M có 10 người con chung là các ông bà Nguyễn Thị L2, Nguyễn Thị V1 (đã chết), Nguyễn Văn M1, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị H1, Tony N (Nguyễn Văn N1), Nguyễn Thị M2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Kim P. Quá trình chung sống, cụ T2 và cụ M tạo lập được khối tài sản chung là: Thửa đất số 104, tờ bản đồ 74, diện tích 379,5m^2 và thửa đất số 08, tờ bản đồ 91, diện tích 1.177,6m^2 tại ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/8/1998. Cụ T2 chết ngày 07/7/2004, không để lại di chúc. Ngày 15/11/2004, cụ M được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 450282 đối với hai thửa đất nêu trên.

Ngày 27/05/2005, cụ M lập thủ tục tách thửa đất số 08, tờ bản đồ 91 thêm một thửa mới là thửa đất số 148, diện tích 314,2 m^2 HNK theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 817394 ngày 21/12/2005; phần diện tích đất còn lại là 1.243,2 m^2 gồm thửa 08, tờ bản đồ 91 có diện tích 863,4 m^2 HNK và thửa đất số 104, tờ bản đồ 74 có diện tích 379,8 m^2 ONT.

Ngày 12/12/2005, cụ M ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đối với thửa đất số 148, tờ bản đồ số 91 cho ông Nguyễn Thanh C1 và bà Trần Thị Thu T4, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chỉnh lý sang tên trên trang tư của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 817394 ngày 09/02/2006. Ngày 29/3/2013, ông C1 và bà T4 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn M1 và bà Nguyễn Thị H. Ông M1 và bà H được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 903538 ngày 09/5/2013.

Ngày 09/04/2007, cụ M ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 104, diện tích 379,5m² ONT, tờ bản đồ số 74 cho bà Nguyễn Thị M2. Ngày 16/5/2007 bà M2 được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy CNQSDĐ số AĐ 502247 ngày 16/5/2007.

Ngày 21/3/2013, cụ M ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 08, tờ bản đồ số 91, diện tích 863,4m² HNK cho ông Nguyễn Văn M1 và bà Nguyễn Thị H. Ông M1, bà H được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 903538 ngày 09/5/2013. Ngày 23/8/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 883282 cho ông M1 và bà H đối với thửa đất số 248, diện tích 1.070,9m² (863,4m^2 HNK và 207,5m^2 LUA), tờ bản đồ số 91 do hợp nhất thửa đất số 09 và thửa đất số 08, tờ bản đồ số 91.

Ông Tony Ngoc N cho rằng việc cụ M khai nhận di sản thừa kế của cụ T2 mà không có ý kiến của ông và bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Kim P nhưng vẫn được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số U 450282 ngày 15/11/2004 cho cụ M đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ 74, diện tích 379,5m^2; thửa đất số 08, tờ bản đồ 91, diện tích 1.177,6m^2 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 502247 ngày 16/5/2007 cho bà M2 đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ số 74, diện tích 379,5 m^2 là không đúng quy định pháp luật. Vì vậy, ông Tony Ngoc N khởi kiện yêu cầu Toà án: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 450282 ngày 15/11/2004 cấp cho cụ M đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ 74 diện tích 379,8m^2 và thửa đất số 08, tờ bản đồ 91, diện tích 1.177,6m^2 tại xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 502247 cấp ngày 16/5/2007 cho bà Nguyễn Thị M2 đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ số 74, diện tích 379,5 m^2 tại xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Về phía Ủy ban nhân dân huyện L và Văn phòng Đ cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Nguyễn Văn T2 năm 1998; cấp cho cụ Nguyễn Thị M năm 2004 do nhận thừa kế từ cụ T2; và giải quyết các thủ tục tách thửa đất, chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ M được thực hiện đúng pháp luật. Vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện L không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Tony Ngoc N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 169/2024/HC-ST ngày 25 tháng 11 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quyết định (tóm tắt):

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T5 Ngoc Nguyen đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 450282 ngày 15/11/2004 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho cụ M đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ 74 diện tích 379,8m^2 và thửa đất số 08, tờ bản đồ 91, diện tích 1.177,6m^2 tại xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 502247 cấp ngày 16/5/2007 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho bà Nguyễn Thị M2 đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ số 74, diện tích 379,5 m^2 tại xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, ông Tony Ngoc N có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Tony N2 Nguyen giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 450282 ngày 15/11/2004 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho cụ M đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ 74 diện tích 379,8m^2 và thửa đất số 08, tờ bản đồ 91, diện tích 1.177,6m^2 tại xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 502247 cấp ngày 16/5/2007 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho bà Nguyễn Thị M2 đối với thửa đất số

104, tờ bản đồ số 74, diện tích 379,5 m^2 tại xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với lý do: Tại thời điểm cụ M khai nhận di sản thừa kế của cụ T2 mà không có ý kiến của ông và bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Kim P nhưng vẫn được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 450282 ngày 15/11/2004 cho cụ M đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ 74, diện tích 379,8m^2; thửa đất số 08, tờ bản đồ 91, diện tích 1.177,6m^2 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 502247 ngày 16/5/2007 cho bà M2 đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ số 74, diện tích 379,5 m^2 là không đúng quy định pháp luật.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Từ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định việc Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Nguyễn Thị M và sau đó cập nhật biến động sang tên cá nhân khác đã được thực hiện đúng quy định pháp luật. Ông Tony Ngoc N khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính trên nhưng không có căn cứ pháp lý. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Tony Ngoc N nộp trong hạn luật định, đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của Người khởi kiện như sau:

[4.1] Cụ Nguyễn Văn T2 và cụ Nguyễn Thị M có 10 người con chung gồm các ông bà: Nguyễn Thị L2, Nguyễn Thị V1 (đã chết), Nguyễn Văn M1, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị H1, Tony N (Nguyễn Văn N1), Nguyễn Thị

M2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị Kim P. Quá trình chung sống, cụ T2 và cụ M tạo lập được khối tài sản chung là: Thửa đất số 104, tờ bản đồ 74, diện tích 379,5m^2 và thửa đất số 08, tờ bản đồ 91, diện tích 1.177,6m^2 tại ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/8/1998. Cụ T2 chết ngày 07/7/2004, không để lại di chúc. Ngày 15/11/2004, cụ M được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 450282 đối với hai thửa đất nêu trên.

Ngày 27/05/2005, cụ M lập thủ tục tách thửa đất số 08, tờ bản đồ 91 thêm một thửa mới là thửa đất số 148, diện tích 314,2 m^2 HNK theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 817394 ngày 21/12/2005; phần diện tích đất còn lại là 1.243,2 m^2 gồm thửa 08, tờ bản đồ 91 có diện tích 863,4 m^2 HNK và thửa đất số 104, tờ bản đồ 74 có diện tích 379,8 m^2 ONT.

Ngày 12/12/2005, cụ M ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đối với thửa đất số 148, tờ bản đồ số 91 cho ông Nguyễn Thanh C1 và bà Trần Thị Thu T4, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chỉnh lý sang tên trên trang tư của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 817394 ngày 09/02/2006. Ngày 29/3/2013, ông C1 và bà T4 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn M1 và bà Nguyễn Thị H. Ông M1 và bà H được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 903538 ngày 09/5/2013.

Ngày 09/04/2007, cụ M ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 104, diện tích 379,5m² ONT, tờ bản đồ số 74 cho bà Nguyễn Thị M2. Ngày 16/5/2007 bà M2 được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy CNQSDĐ số AĐ 502247 ngày 16/5/2007.

Ngày 21/3/2013, cụ M ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 08, tờ bản đồ số 91, diện tích 863,4m² HNK cho ông Nguyễn Văn M1 và bà Nguyễn Thị H. Ông M1, bà H được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 903538 ngày 09/5/2013. Ngày 23/8/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 883282 cho ông M1 và bà H đối với thửa đất số 248, diện tích 1.070,9m² (863,4m^2 HNK và 207,5m^2 LUA), tờ bản đồ số 91 do hợp nhất thửa đất số 09 và thửa đất số 08, tờ bản đồ số 91.

[4.2] Theo những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 17/9/2004, cụ Nguyễn Thị M có Đơn xin thừa kế đối với diện tích 1.557,4m² đất gồm: 379,8m^2 thuộc thửa đất số 104, tờ bản đồ số 74 và 1.177,6m^2 thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 91 tại xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và đã được Ủy ban nhân dân xã P xác nhận. Tiếp đó, vào ngày 20/9/2004, cụ M làm Đơn xin xác nhận đồng ý của các con để mẹ ruột

được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và khước từ thừa kế có nội dung 07 người con của cụ M là các ông bà Là, V1, M1, H1, M2, T3, P đồng ý để lại cho cụ M đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đơn có đầy đủ chữ ký của 07 người con và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P.

[4.3] Theo xác minh của Tòa án án cấp sơ thẩm thì tại thời điểm xác nhận Đơn xin thừa kế và Đơn xin xác nhận đồng ý của các con để mẹ ruột đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân xã P không quản lý hộ khẩu, cư trú của ông (bà) Tony Ngoc N (Nguyễn Văn N1), Nguyễn Thị S và Nguyễn Thị Y nên đã không thể biết được những người này là con chung của cụ T2 và cụ M. Việc kê khai di sản thừa kế và hàng thừa kế do cụ M và các con của cụ M tự thực hiện; Ủy ban nhân dân xã P chỉ xác nhận trên cơ sở những nhân khẩu đang có mặt ở địa phương hiện đang quản lý; cụ thể, theo Sổ hộ khẩu gia đình do Công an huyện L cấp cho hộ cụ Nguyễn Văn T2 ngày 19/10/1995 không có tên Tony Ngoc N (Nguyễn Văn N1), Nguyễn Thị S và Nguyễn Thị Y. Thực tế thời điểm này, ông N1, bà S, bà Y đã định cư tại Mỹ từ năm 1980. Do đó, có cơ sở xác định trình tự, thủ tục xác nhận các văn bản do cụ M và các con Là, V1, M1, H1, M2, T3, P lập đã được Ủy ban nhân dân xã P thực hiện đúng quy định pháp luật.

[4.4] Như vậy, trên cơ sở xác nhận hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã P, Ủy ban nhân dân huyện L đã thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 450282 ngày 15/11/2004 cho cụ M đối với diện tích đất 1.557,4m² gồm 379,8m^2 thuộc thửa 104, tờ bản đồ số 74 và 1.177,6m^2 thuộc thửa 08, tờ bản đồ số 91 tại xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là phù hợp với quy định tại các điều 677, 678, 679 Bộ luật Dân sự năm 1995 và khoản 4 Điều 49 Luật Đất đai năm 2003. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T5 Ngoc Nguyen là phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[4.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Tony Ngoc N (Nguyễn Văn N1) không xuất trình được tài liệu, chứng cứ mới có giá trị pháp lý làm thay đổi nội dung, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo.

[5] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Người kháng cáo phải chịu.

[7] Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm số 169/2024/HC-ST ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Tony Ngoc N (Nguyễn Văn N1) do ông Trương Ngô Hồng T đại diện; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 169/2024/HC-ST ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Áp dụng: Các điều 677, 678, 679 Bộ luật Dân sự năm 1995; khoản 4 Điều 49 Luật Đất đai năm 2003 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Tony Ngoc N (Nguyễn Văn N1) đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 450282 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 15/11/2004 cho cụ Nguyễn Thị M đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ 74, diện tích 379,8m^2 và thửa đất số 08, tờ bản đồ 91, diện tích 1.177,6m^2 tại xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 502247 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 16/5/2007 cho bà Nguyễn Thị M2 đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ số 74, diện tích 379,5 m^2 tại xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Chi phí tố tụng: Ông Tony Ngoc N (Nguyễn Văn N1) phải chịu 30.900.000 đồng chi phí ủy thác tư pháp. Ông Tony Ngoc N (Nguyễn Văn N1) đã nộp xong.

3. Án phí:

3.1. Án phí sơ thẩm: Ông Tony Ngoc N (Nguyễn Văn N1) phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm ứng theo Biên lai thu số 0003380 ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

3.2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Tony Ngoc N (Nguyễn Văn N1) phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm ứng theo Biên lai thu số 0002741 ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

- Các quyết định khác của nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 169/2024/HC-ST ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Vụ Pháp chế và Quản lý Khoa học;
- Viện CT & KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA - NTCL

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Mạnh Cường